TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 439/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01/11/2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thanh Bình;

Ông Võ Hoàng Nghiệp.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 293/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019, về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 484/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 543/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lương Thị Anh T**, sinh năm 1997; Cư trú: Tổ 37, ấp Vĩnh Hội, xã V, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Trần Hoàng Vĩnh V,** sinh năm 1997; Cư trú: Tổ 19, ấp Vĩnh Hòa, xã V, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà T có mặt, ông V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai bà Lương Thị Anh T trình bày: Quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Trần Hoàng Vĩnh V là tự tìm hiểu yêu Tơng nhau được gia đình hai bên chấp nhận, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2017 tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp tính tình u7ờng xuyên cự cãi, ông V không quan tâm vợ con, nghiện game bỏ mặc chuyện gia đình, khi bà sinh con thứ hai thì ông V bỏ đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương không quan tâm cuộc sống của mẹ con bà, đến giữa năm 2018 thì bà và ông V có cự cãi nhau rồi ông V bỏ về nhà cha mẹ ruột và ly thân từ

đó đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin ly hôn với ông Trần Hoàng Vĩnh V.

Về con chung: 1/ Trần Ngọc Linh Đ, sinh ngày 05/5/2017; 2/ Trần Ngọc Anh T1, sinh ngày 26/11/2018, hiện sống chung với bà T. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ bà T cung cấp cho Tòa án được công bố trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông V đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có V bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà T, không tham gia phiên họp, phiên hoà giải.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên nội dung đã trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và không giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Ông V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Qua nội dung vụ án cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lương Thị Anh T được ly hôn với ông Trần Hoàng Vĩnh V.

Về con chung, đề nghị giao cháu Đ, cháu T1 cho bà T được tiếp tục nuôi dạy sau khi ly hôn. Công nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung do không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T yêu cầu ly hôn với ông V, ông V có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp Vĩnh Hòa, xã V, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Căn cứ Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình –Ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện An Phú.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T và ông V do tự tìm hiểu có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nguyên nhân là do không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến cả hai không còn chung sống từ năm 2018 cho đến nay. Thời gian không chung sống, bà T và ông V không chủ động hàn gắn tình cảm, không quan tâm nhau. Kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của bà T và ông V được biết cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông V không đến tham gia phiên họp, không ý kiến đối với yêu cầu của bà T. Tại phiên toà bà T không đồng ý đoàn tụ, không thay đổi, rút lại yêu cầu khởi kiện. Điều này cho thấy, mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân đã trầm trọng, thời gian không chung sống đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Linh Đ, sinh ngày 05/5/2017 và Trần Ngọc Anh T1, sinh ngày 26/11/2018. Bà T có yêu cầu nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, con chung chưa đủ 36 tháng tuổi và hiện Đg do bà T trực tiếp nuôi nên cần tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi dạy là hoàn toàn phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do bà T không yêu cầu nên công nhận sự tự nguyện của bà T, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung hoặc hạn chế quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Do bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp bà hoặc ông V có yêu cầu chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Anh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Anh T được ly hôn với ông Trần Hoàng Vĩnh V.

Về con chung: Bà T được nuôi cháu Trần Ngọc Linh Đ, sinh ngày 05/5/2017 và cháu Trần Ngọc Anh T1, sinh ngày 26/11/2018 hiện Đg sống chung với bà T.

Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 83 ngày 19/6/2017 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện An Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bà Lương Thị Anh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo biên lai thu số TU/2016/0011457 ngày 23/7/2019 (bà T đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/11/2019) bà T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã V (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu HS,VP (2);

Nguyễn Quang Bảo